

Số: 35/2022/QĐST-DS

Mỹ Đức, ngày 20 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 467, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 29/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Q (V)

Địa chỉ: Tầng 1 (Tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà S – 111A P – phường Bến N, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Theo Pháp luật: Ông Hàn Ngọc V; TGD Ngân hàng TMCP Q.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: bà Vũ Thị Phương T – Cán bộ Ngân hàng

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1983.

Bà Trần Thị H, sinh năm 1986.

Đều trú tại: Thôn Đ, xã An T, huyện M, TP. Hà Nội.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Trần Văn L, sinh năm 1967.

+ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1972.

Đều trú tại: Thôn Đông M, xã An T, huyện M, TP. Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về khoản vay nợ các bên đều thừa nhận:

Các bên đã ký Hợp đồng tín dụng số CN096.HĐTD.036.18 ngày 26/03/2018 với nội dung: V cho ông Nguyễn Quốc H và bà Trần Thị H vay số tiền 400.000.000 đồng; mục đích vay vốn: Bổ sung vốn mua sắm trang thiết bị gia đình; thời hạn vay: 96 tháng, tính từ ngày 29/03/2018 đến ngày 28/03/2026; lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 12,39%/năm. Lãi suất này sẽ được V chủ động điều chỉnh 03 tháng một lần bằng Lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,99%. Hoàn trả khoản tín dụng gốc: Vào ngày 25 hàng tháng, mỗi tháng trả 4.166.000VND, số còn lại trả vào kỳ trả gốc cuối cùng; ngày trả lãi vào 25 hàng tháng tính trên dư nợ thực tế. Ngày trả nợ đầu tiên là ngày 25/04/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, Tạm tính số tiền ông H, bà H nợ gốc, nợ lãi Ngân hàng tính đến ngày 09/06/2022 là: **321.316.397** đồng (ba trăm hai mươi một triệu, ba trăm mười sáu nghìn, ba trăm chín mươi bảy đồng) trong đó nợ gốc là 262.522.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 27.816.555 đồng; nợ lãi quá hạn là 30.977.842 đồng. Kể từ ngày 10/6/2022, ông H và bà H vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất trong hạn, lãi quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi ông H và bà H trả được hết khoản nợ này cho ngân hàng.

2.2 Về phương án trả nợ:

Chậm nhất ngày 30/6/2022 ông H, bà H thanh toán trả nợ số tiền 200.000.000 đồng;

- Đến ngày 15/7/2022 ông H, bà H trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi (tất toán toàn bộ khoản vay)

Về xử lý tài sản bảo đảm: ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị P (là người thế chấp tài sản bảo đảm cho ông H và bà H vay khoản tiền trên của Ngân hàng TMCP Q), ông Nguyễn Quốc H, bà Trần Thị H và đại diện Ngân hàng TMCP Q thống nhất thỏa thuận nhất trí quan điểm của Ngân hàng, cụ thể: Trong trường hợp ông H, bà H không trả đúng bất cứ cam kết nào như phương án trả nợ đã thỏa thuận ở trên thì nguyên đơn có toàn quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm, cụ thể là: Quyền sử dụng đất 260 m² và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 65, tờ bản đồ số 18 có địa chỉ tại xã An Tiến, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 291288, số vào sổ cấp H 33051 do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Đức cấp ngày 10/08/2009 cho hộ ông Trần Văn L. Ngày 16/03/2018 Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện Mỹ Đức đăng ký sang tên cho ông Trần Văn L và vợ là bà Nguyễn Thị P (theo hồ sơ 150BD) và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền

với diện tích nhà đất đã thế chấp để thu hồi nợ vay cho V. Bất kỳ sự thay đổi, sửa chữa, nâng cấp nào đối với tài sản thế chấp làm tăng giá trị thực tế của tài sản thế chấp sẽ được coi là bộ phận không thể tách rời thuộc tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay cho V (Chi tiết xem Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất công chứng số: 1151, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng Hà Đông, thành phố Hà Nội công chứng ngày 26/03/2018 và hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 096.HĐTD.036.18 ký ngày 28/03/2018). Để thu hồi nợ. (Ông Lượng, bà Phượng trình bày tài sản trên đất thế chấp là thuộc quyền quản lý và sở hữu của ông Lượng, bà Phượng không liên quan đến người nào khác).

Ông H, bà H và ngân hàng V thống nhất thỏa thuận: Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để trả nợ và các chi phí phát sinh khác (nếu có) thì ông H, bà H vẫn tiếp tục nhận nợ số tiền còn thiếu và có nghĩa vụ trả nợ nốt cho V.

Về án phí: Bị đơn là ông H, bà H liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, số tiền là 8.032.900 đồng

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền đã nộp tạm ứng án phí là **7.300.000** đồng theo biên lai số 0038906 ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Tòa án ND Tp. Hà Nội.*
- *VKSND huyện Mỹ Đức;*
- *Chi cục THA Mỹ Đức;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Bùi Thị Hồng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).